

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 185/2004/NĐ-CP ngày 04/11/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6
năm 2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về kế toán mà không

phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán bao gồm:

- a) Vi phạm quy định về chứng từ kế toán;
- b) Vi phạm quy định về sổ kế toán;
- c) Vi phạm quy định về tài khoản kế toán;
- d) Vi phạm quy định về báo cáo tài chính và công khai báo cáo tài chính;
- đ) Vi phạm quy định về kiểm tra kế toán;
- e) Vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán;
- g) Vi phạm quy định về kiểm kê tài sản;
- h) Vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán;
- i) Vi phạm quy định về hành nghề kế toán;
- k) Vi phạm quy định về áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác.

Điều 2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính).

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 02 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này. Trường hợp này thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực kế toán hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Người có thẩm quyền xử phạt nếu để quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

Điều 5. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.

3. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7,

khoản 6 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.

4. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định tại Chương II của Nghị định này đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Điều 6. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Tình tiết giảm nhẹ:

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã chủ động ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi;

c) Vi phạm trong hoàn cảnh bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

d) Vi phạm do lỗi vô ý;

đ) Vi phạm lần đầu;

e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.

2. Tình tiết tăng nặng:

a) Vi phạm có tổ chức;

b) Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Xúi giục, lôi kéo hoặc ép buộc người phụ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần để vi phạm;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;

đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai hoặc khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;

e) Vi phạm trong thời hạn đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính hoặc bản án hình sự;

g) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 7. Vi phạm quy định về chứng từ kế toán

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập chứng từ kế toán không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về kế toán (dưới đây gọi tắt là theo quy định);

b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán;

b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký;

c) Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký;

d) Lập hóa đơn bán hàng nhưng không giao hóa đơn bán hàng cho khách hàng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

b) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

c) Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

d) Bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ không lập hóa đơn bán hàng theo quy định;

đ) Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

e) Cố ý lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

g) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu chứng từ kế toán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề vi phạm quy định tại điểm a, b, c, đ, e, g khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải lập chứng từ kế toán cho nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

b) Buộc phải khôi phục lại các chứng từ kế toán theo đúng thực tế, đúng quy định đối với các vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 và điểm c, d, g khoản 3 Điều này;

c) Buộc phải hủy các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp cho một nghiệp vụ quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về sổ kế toán

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập sổ kế toán không đầy đủ các nội

dung theo quy định như: không ghi tên đơn vị kế toán, tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; thiếu chữ ký theo quy định; không đánh số trang, không đóng dấu giáp lai giữa các trang trên sổ kế toán;

b) Ghi sổ kế toán không đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định;

c) Vi phạm các quy định về ghi sổ kế toán như ghi chồng lên nhau, ghi cách dòng; không gạch chéo phần trang sổ không ghi; không thực hiện việc cộng số liệu tổng cộng khi ghi hết trang sổ, không thực hiện việc chuyển số liệu tổng cộng trang sổ trước sang đầu trang sổ kế tiếp;

d) Không đóng thành quyển sổ riêng cho từng kỳ kế toán và thực hiện các thủ tục pháp lý sau khi in sổ ra giấy trong trường hợp thực hiện kế toán trên máy vi tính.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở sổ kế toán không theo đúng nguyên tắc chung của một trong các hình thức sổ kế toán theo quy định;

b) Ghi sổ kế toán không tuân thủ phương pháp quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;

c) Ghi sổ, khóa sổ kế toán không kịp thời theo quy định;

d) Sửa chữa sai sót trên sổ kế toán không theo đúng phương pháp quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

b) Không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán;

c) Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán năm trước liền kề hoặc sổ kế toán ghi không liên tục từ khi mở sổ đến khi khóa sổ;

d) Không thực hiện việc khóa sổ kế toán trong các trường hợp mà pháp luật về kế toán quy định phải khóa sổ kế toán;

đ) Không in sổ kế toán ra giấy sau khi khóa sổ trên máy vi tính.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở sổ kế toán ngoài hệ thống sổ kế toán chính thức của đơn vị;

b) Giả mạo sổ kế toán;

c) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo sổ kế toán;

d) Cố ý để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị hoặc tài sản có liên quan đến đơn vị;

đ) Hủy bỏ trước hạn hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu sổ kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều này.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải bổ sung đầy đủ các nội dung của sổ kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải khôi phục lại hoặc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đối với các vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2, 3 và điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về tài khoản kế toán

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hạch toán không theo đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán;

b) Sửa đổi nội dung, phương pháp hạch toán của tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc mở thêm tài khoản kế toán trong hệ thống tài khoản kế toán cấp I đã lựa chọn không được Bộ Tài chính chấp nhận.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không áp dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán quy định cho ngành và lĩnh vực hoạt động của đơn vị;

b) Không thực hiện đúng hệ thống tài khoản đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải hạch toán đúng nội dung, phương pháp, hệ thống tài khoản kế toán đối với vi phạm tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ việc sử dụng tài khoản kế toán đối với vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về báo cáo tài chính và công khai báo cáo tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Lập và trình bày báo cáo tài chính không đúng phương pháp; không rõ ràng; không nhất quán theo quy định;

c) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm từ 01 tháng đến 03 tháng theo thời hạn quy định;

d) Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

đ) Công khai báo cáo tài chính chậm từ 01 tháng đến 03 tháng theo thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm quá 3 tháng theo thời hạn quy định;

b) Lập báo cáo tài chính không đúng với số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán;

c) Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

d) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

đ) Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;

e) Thực hiện việc công khai báo cáo tài chính chậm quá 3 tháng theo thời hạn quy định;

g) Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về kiểm tra kế toán

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quyết định kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền;

b) Gây cản trở công việc kiểm tra của đoàn kiểm tra kế toán;

c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ cho đoàn kiểm tra các tài liệu kế toán liên quan đến nội dung kiểm tra;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận của đoàn kiểm tra;

đ) Ba năm liên tục không thực hiện kiểm tra kế toán đối với đơn vị kế toán cấp dưới.

Điều 12. Vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa tài liệu kế toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng so với thời hạn quy định;

b) Lưu trữ tài liệu kế toán không đầy đủ theo quy định;

c) Bảo quản tài liệu kế toán không an toàn, để hư hỏng, mất mát tài liệu trong thời hạn lưu trữ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tài liệu kế toán trong thời hạn lưu trữ không đúng quy định;

b) Không thực hiện các thủ tục để phục hồi tài liệu kế toán bị mất mát hoặc bị hủy hoại.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hủy bỏ tài liệu kế toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định;

b) Tiêu hủy tài liệu kế toán không thành lập Hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định.

Điều 13. Vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê theo quy định;

b) Không xác định nguyên nhân chênh lệch; không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán vào sổ kế toán.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm hoặc không thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp khác theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man kết quả kiểm kê tài sản.

Điều 14. Vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức bộ máy kế toán; không bố trí người làm kế toán hoặc không thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán theo quy định;

b) Bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán;

c) Bố trí người làm kế toán không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

d) Thuê tổ chức, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề kế toán hoặc không đăng ký kinh doanh theo quy định, cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ hoặc mua, bán tài sản trừ doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể;

b) Bố trí người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Thuê người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tổ chức bộ máy kế toán; bố trí người làm kế toán hoặc thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải chuyển đổi và bố trí hoặc thuê người làm kế toán hoặc người làm kế toán trưởng thay thế đối với vi phạm quy định tại điểm b, c, d khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về hành nghề kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân hành nghề kế toán nhưng không đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không có Chứng chỉ hành nghề kế toán;

c) Doanh nghiệp hoặc cá nhân hành nghề kế toán không đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định nhưng vẫn cung cấp dịch vụ kế toán;

d) Cá nhân hành nghề kế toán nhưng không có Chứng chỉ hành nghề kế toán;

đ) Thuê người không có Chứng chỉ hành nghề kế toán làm kế toán hoặc không có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, làm kế toán trưởng;

e) Nhận làm thuê kế toán khi là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý điều hành, kể cả Kế toán trưởng của đơn vị kế toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính hoặc không đủ năng lực chuyên môn hoặc nhận làm thuê kế toán khi đơn vị kế toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ kế toán;

g) Cho thuê, cho mượn Chứng chỉ hành nghề kế toán.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều này nếu cố tình sai phạm.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải đình chỉ hành nghề kế toán đối với vi phạm quy định tại điểm b, c, d, e, g khoản 1 Điều này;

c) Buộc phải chấm dứt hợp đồng thuê làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về áp dụng

chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký hoặc không thông báo chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị trong thời hạn quy định đối với trường hợp phải đăng ký hoặc phải thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Áp dụng sai quy định về chữ viết; chữ số; đơn vị tiền tệ hoặc kỳ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho đối tượng khác sử dụng tài khoản Tiền gửi ngân hàng, Tiền gửi kho bạc Nhà nước của đơn vị để nhận tiền và chuyển tiền cho các hoạt động tiền tệ vi phạm chế độ quản lý tài chính, ngân sách và sử dụng vốn.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải thực hiện việc đăng ký chế độ kế toán áp dụng đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải thực hiện đúng quy định đối với các vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán dẫn đến trốn, lậu thuế

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định từ Điều 7 đến Điều 16 của Nghị định này, ngoài

việc xử phạt vi phạm hành chính về kế toán như quy định tại các Điều từ 7 đến 16 nói trên nếu hành vi vi phạm dẫn đến trốn, lậu thuế thì còn bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2. Khi xét thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán dẫn đến trốn, lậu thuế thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan thuế cùng cấp để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, sau khi đã xử phạt vi phạm hành chính về kế toán.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra Tài chính

1. Thanh tra viên Tài chính các cấp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 200.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

Điều 20. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Trong trường hợp những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Nghị định này vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền của người ủy quyền và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 21. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc địa phương.

Cơ quan thanh tra Tài chính các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc mình quản lý.

Trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Thẩm quyền xử phạt của người được quy định tại Điều 18, Điều 19 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

3. Trường hợp xử phạt một người, một tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 22. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nêu trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 23. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, người có thẩm quyền xử phạt phải quyết định

đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính.

2. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 24. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán để truy cứu trách nhiệm hình sự

Khi xét thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hình sự để giải quyết.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán hoặc người đại diện hợp pháp của cá nhân, tổ

chức đó có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

2. Công dân có quyền tố cáo về hành vi trái pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 27. Khởi kiện hành chính

Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 28. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh và phòng chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Người bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống đối người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành quyết định của người có thẩm quyền xử phạt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định, có lỗi trong việc để quá thời hiệu, thời hạn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải